TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 833/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018.
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đặng Bích Thuận.

2. Bà: Phan Thị Minh Lý.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên toà:* Bà Đinh Thu Thủy.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 628/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2018/QĐST-HPT ngày 19/ 11/2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông La Kim P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 743/43 đường B, Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: số 559 đường T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: số 743/43 đường B, Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: số 378/3/4A đường Đ, Phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị T và ông La Kim P đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2018; Bản tự khai ngày 25/9/2018, nguyên đơn là ông La Kim P trình bày:

Ông và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, Quận S, thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 19/9/1987).

Vợ chồng ông sống hạnh phúc một thời gian dài, đến những năm gần đây thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường xuyên. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô xát với nhau. Vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được.

Ông và bà T đã sống ly thân khoảng 02 năm, nay ông không còn tình cảm với bà T nên cuộc sống chung không thể kéo dài, vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là La Vinh Q, sinh năm 1988 và La Bích N, sinh năm 1991.

Các con đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

* Theo bản tự khai ngày 10/10/2018, bị đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của ông La Kim P về quan hệ hôn nhân, về tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung.

Nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng khiến ông P yêu cầu ly hôn với bà là do ông P có tình cảm với người phụ nữ khác, chứ bà hoàn toàn không có lỗi, hiện nay bà còn yêu thương ông P và mong muốn được Tòa án hòa giải đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục cuộc sống chung. Bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P.

Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn là ông La Kim P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là bà Trần Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không thông báo lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông La Kim P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông La Kim P và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo ông La Kim P trình bày thì vợ chồng ông sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm về mọi mặt, bà T không tôn trọng ông, thậm chí nhiều lần cầm dao đuổi đánh ông. Ông và bà Trần Thị T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau.

Ngược lại, bà Trần Thị T không đồng ý ly hôn vì bà còn yêu thương ông P, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông P có tình cảm với người phụ nữ khác khi đang trong thời kỳ hôn nhân nên mới kiên quyết ly hôn bà.

Tuy nhiên, ông P không thừa nhận việc này và bà T không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại Hội liên hiệp Phụ nữ Phường 6 thuộc Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6 thì được biết trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông P, bà T chưa lần nào yêu cầu Hội liên hiệp Phụ nữ Phường 6 giải quyết về mâu thuẫn vợ chồng và trong sinh hoạt chung tại cộng đồng nơi sinh sống không xảy ra vấn đề gì vi phạm, bất thường.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết thì Tòa án đã triệu tập ông P, bà T nhiều lần để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng và tạo điều kiện cho vợ chồng bà tìm biện pháp

hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng bà T không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập và không thông báo lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị T đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải tại Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Ông P và bà T có 02 con chung là La Vinh Q, sinh năm 1988 và La Bích N, sinh năm 1991.

Các con đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự trình bày là tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về con chung, tài sản chung, nợ chung.

[3. Về án phí: Ông La Kim P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Kim P về việc yêu cầu ly hôn đối với bà Trần Thị T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa ông La Kim P và bà Trần Thị T chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 43 ngày 19/9/1987 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông La Kim P và bà Trần Thị T không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông La Kim P và bà Trần Thị T có 02 con chung là La Vinh Q, sinh năm 1988 và La Bích N, sinh năm 1991.

Các con đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự trình bày là tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về con chung, tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông La Kim P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010306 ngày 18/9/2018 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tú

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);